

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 4638/UBND-KT ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án "Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên"; Báo cáo số 884/BC-UBND ngày 01/12/2022 của UBND huyện Bắc Yên về việc giải trình, tiếp thu ý kiến làm rõ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 861/TTr-STNTMT ngày 15/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Yên (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại huyện Bắc Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này. 

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật và các kết luận của Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai phạm (nếu có).

2. UBND huyện Bắc Yên (Chủ dự án) chịu trách nhiệm hoàn toàn về thông tin dự án phục vụ quá trình thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về các nội dung thẩm định trình phê duyệt, về số liệu, tính chính xác các chỉ tiêu, thông số kỹ thuật và các kết luận của Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật nhà nước; đồng thời chủ động tự rà soát kiểm tra, khắc phục những nội dung sai phạm (nếu có).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Bắc Yên; Chủ tịch UBND thị trấn Bắc Yên; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. *gt*

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT, Biên KT. 15 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Hậu



PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của án Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên

(Kèm theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: **Đường nội thị, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên**
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.
- Chủ dự án: UBND huyện Bắc Yên

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi của Dự án

Dự án có vị trí, tọa độ một số điểm đặc trưng được thể hiện trong bảng sau:

Kí hiệu	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 104°00' múi chiếu 3 ⁰		Kí hiệu	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 104°00' múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
M1	2349960.27	544635.35	M10	2349929.92	545489.04
M1'	2349960.27	544645.36	M11	2349936.49	545847.79
M2	2349865.72	544582.85	M12	2349901.83	545842.91
M2'	2349859.22	544586.50	M13	2349899.94	546519.73
M3	2349924.88	544651.62	M14	2349832.83	546541.60
M4	2349893.59	544659.46	M15	2349886.22	546769.58
M5	2349956.08	544829.83	M16	2349855.40	547054.01
M6	2349837.96	544816.01	M17	2349911.78	547050.28
M7	2349957.93	545349.81	M18	2349855.29	547124.32
M8	2349927.37	545375.68	M19	2349910.93	547076.84
M9	2350016.01	545497.29	M20	2349864.14	547127.10

1.2.2. Quy mô, công suất của Dự án

- Dự án có tổng diện tích sử dụng đất: 14,08 ha.
- Xây dựng tuyến đường theo tiêu chuẩn đường đô thị (TCVN: 104-2007); công trình xây dựng vĩnh cửu.
 - + Điểm đầu tuyến khoảng vị trí Km 414+80 QL37 thuộc tiểu khu Văn Ban, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên.
 - + Điểm cuối tuyến khoảng vị trí Km 411+350 QL37 thuộc tiểu khu I, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên.
 - + Chiều dài tuyến dự kiến $L = 2,462\text{Km}$.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Nền đường

- Nền đường tính từ phạm vi hai bên mép ngoài của vỉa hè, trong phạm vi nền đường tiến hành bóc bỏ toàn bộ đất bùn ruộng và đất yếu sa bồi, chiều sâu vét bùn trung bình dày 0,5m; chiều sâu vét đất yếu trung bình 0,5m. Các đoạn có độ dốc ngang lớn ($> 20\%$) được đánh cấp, bề rộng cấp $B < 2\text{m}$ tiến hành đắp đất đầm chặt K95 và đắp $K \geq 98$ dày 50cm bên dưới kết cấu áo đường.

- Mái taluy đắp có độ dốc 1/1,5.

- Tại các đoạn tuyến qua khu vực có xuất hiện nước ngầm thì giải pháp thiết kế như sau:

+ Nạo vét đào bỏ hết các lớp đất yếu, tạo độ dốc nền đường từ 0.5% đến 6% sau đó cho đóng cọc tre ($20 \text{ cọc}/1\text{m}^2$).

+ Trên cọc tre cho xếp đá hộc dày 30cm nhằm mục đích tạo các khe hở nhỏ dưới nền đường để thoát nước ra ngoài khỏi nền đường

+ Trên lớp đá hộc đã chêm chèn tạo phẳng trải lớp vải địa kỹ thuật, sau đó đắp đất lu lèn theo quy trình thi công.

- Nền đào: Độ dốc mái taluy đào dự kiến 1/0,75, trung bình 9m tạo thành một bậc cơ rộng 2m, phần rãnh cơ được thiết kế dốc 10% vào phía taluy dương và được gia cố bằng BTXM M150# dày 10cm. Bên dưới đáy khuôn cây xới đầm chặt K98 dày 30cm.

1.3.2. Mặt đường

* Kết cấu 1: (sử dụng chủ yếu trong tuyến chính)

- Mặt đường cấp cao A_1 , tầng mặt bê tông xi măng. Mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$, tải trọng trục thiết kế 100KN theo TCCS 38:2022/TCDBVN. Kết cấu từ dưới lên như sau: Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18 cm có gia cố xi măng 5%, láng nhựa dày 1cm (tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²), lớp mặt BTXM-M350 dày 24cm.

* Kết cấu 2: (trong các phạm vi khu vực ngã ba đầu nối với Quốc lộ 37)

- Mặt đường cấp cao A_1 , tầng mặt bê tông nhựa. Mô đun đàn hồi tối thiểu $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$, tải trọng trục thiết kế 100KN theo TCCS 38:2022/TCDBVN. Kết cấu từ dưới lên như sau: Lớp cấp phối đá dăm loại II dày 24 cm, Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 18 cm, tưới nhựa thấm bám (MC70) tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m², thảm BTNC 19 dày 7cm, tưới nhựa dính bám nhũ tương (CSS1-h) TCN 0,5kg/m², thảm BTNC 12,5 dày 5cm.

* Kết cấu 3:

- Là loại mặt đường bê tông nhựa, được tăng cường trên lớp mặt đường cũ còn tốt trong các phạm vi vượt nối khu vực ngã ba đầu nối với Quốc lộ 37. Kết cấu từ dưới lên như sau: Lớp kết cấu mặt đường cũ (QL37) dày trung bình 37cm, lớp tưới nhựa dính bám nhũ tương (CSS1-h) TCN 0,5kg/m², thảm BTNC 12,5 dày 5cm. *q/v*

* Kết cấu 4:

- Mặt đường bê tông xi măng vượt nối vào các ngõ, hoàn trả lại các đường nội bộ trong khu vực, tải trọng trục thiết kế 60KN theo đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế TCVN-10380:2014. Kết cấu từ dưới lên như sau: Lớp cấp phối đá dăm loại I dày 10 cm, Lớp nilon ngăn cách, lớp mặt BTXM-M250 dày 16cm.

1.3.3. Thiết kế nút giao

- Phạm vi dự án gồm 02 nút giao cùng mức dạng ngã ba đơn giản có bố trí vạch sơn, biển báo, gờ giảm tốc... Để tổ chức giao thông tại 02 vị trí giao với đường Quốc Lộ 37 tại KM411+350 và Km414+80.

- Các giao cắt khác (đường giao dân sinh, ngõ xóm hiện tại ...) được thiết kế vượt nối giao bằng có cắm biển báo chỉ dẫn, ưu tiên và đảm bảo tầm nhìn trên các đường không ưu tiên, kết hợp với các vị trí mở dải phân cách mềm cho xe quay đầu.

- Hè phố, bó vỉa, bó gáy, hố trồng cây, tấm rãnh tam giác:

+ Hè phố: Hai bên hè phố lát gạch Hè phố lát gạch TERRAZZO dày 5,5cm, dưới đệm cát dày 2cm, đệm đá mặt dày 3cm. Trên hè phố để chứa các hố trồng cây, cự ly 10m/hố. Các hố này được bố trí ở mép ngoài hè phố và được bố trí dọc 2 bên hè phố.

+ Bó vỉa hè phố: Thiết kế gạch bó vỉa mép trong hè phố dạng vát. Viên gạch bó vỉa bằng BTXM-M250, kích thước (100x35x23)cm cho đoạn đường thẳng, kích thước (50x35x23)cm cho đoạn đường cong, lót vữa XM 100# dày 2cm, dưới đệm bằng bê tông mác 150# dày 8cm đổ trực tiếp.

+ Bó gáy hè phố: Gạch bó gáy hè phố nằm mép ngoài hè được làm bằng BTXM-M200 kích thước 20x20cm, dưới lót vữa XM mác 100# dày 2cm.

+ Hố trồng cây: Hai bên hè phố bố trí hố trồng cây hình vuông có kích thước (120x120)cm. Bó bồn hố trồng cây bằng xây gạch chỉ tường dày 22cm vữa XM-M75 trát vữa XM-M125#. Bên trong hố trồng cây bóng mát, phần đất trong hố trồng là đất màu cao 50cm.

+ Tấm rãnh tam giác thu nước mặt đường: Mép mặt đường sẽ được tạo vát dốc 10% về phía vỉa hè. Tấm rãnh tam giác bằng BTXM-M200 kích thước (50x30x5)cm/lớp vữa XM mác 100# dày 2cm/ lớp móng BTXM mác 150# dày 6cm.

- Rãnh dọc, hố ga, hố thu nước mặt đường:

+ Thiết kế rãnh hộp bằng BTCT M200#, kích thước lòng rãnh BxH=100x100cm, thành rãnh dày 15cm, dưới đệm móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Hố thu nước được thiết kế bằng BTCT-M200 dày 15 cm, để hố thu bằng BTCT M200# dày 15cm, đáy đệm đá dăm dày 10 cm. Hố thu được làm sâu hơn so với rãnh dọc 30cm nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình nạo vét, bảo dưỡng rãnh. Tấm đan nắp hố thu bằng BTCT M250# lắp ghép. Miệng cửa thu nước đặt bằng tấm chắn rác bằng gang, có giá đỡ tấm gang.

+ Đoạn có mái taluy đào cao và (nền đắp cao có rãnh cơ) xây dựng rãnh kết cấu lắp ghép hình thang có đáy bằng BTXM mức 150 đổ tại chỗ, thành lắp ghép bằng BTXM mức 200 đúc sẵn, kích thước đáy rộng 40cm, sâu 40cm để thu nước từ bên trên mái taluy không cho chảy tràn ra mặt đường và xói lở taluy.

- Công thoát nước:

+ Tại vị trí cọc 64 Km1+029.66 thiết kế công hộp nx(BxH) = 2x(4x4)m: Phía hạ lưu vị trí cầu bản cũ khẩu độ 6m được thiết kế nạo vét nắn chỉnh lòng suối với kích thước trung bình khoảng (rộng x sâu=8x5)m. Tại vị trí khe suối cọc 68 Km1+059.05 được nắn chỉnh lòng đầu nối vào vị trí công cọc 64 Km1+029.66. Kết cấu hộp công bằng BTCT M300 dày 45cm, bản mặt dày 50cm, bản đáy dày 60cm đổ trực tiếp. Móng công bằng BTXM M200, dưới đệm móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Tại vị trí cọc 84 Km1+227.27 thiết kế công hộp (BxH) = (4x4)m: Công thoát nước suối qua đường. Kết cấu hộp công bằng BTCT M300 dày 50cm đổ trực tiếp. Móng công, san công, tường cánh... bằng BTXM M200, dưới đệm móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Tại vị trí cọc 9 KM0+085.05 thiết kế công tròn KD1.0m: Mục tiêu của công là thoát nước hồ Phiêng Ban 2 qua đường sang hồ Phiêng Ban 1. Kết cấu công bằng BTCT M200 dày 12cm đổ trực tiếp. Móng công, san công, tường cánh... bằng BTXM M200, dưới đệm móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Tại vị trí cọc 25 KM0+325.16 thiết kế công tròn khẩu độ 0.75m kết hợp với ống HDPE D300mm dài khoảng 30m: Mục tiêu của công là thoát nước hồ Phiêng Ban 3 qua đường ra suối chính. Kết cấu công bằng BTCT M200 dày 8cm đổ trực tiếp. Móng công, san công, tường cánh... bằng BTXM M200, dưới đệm móng bằng đá dăm dày 10cm.

+ Tại các vị trí công cọc (40 KM0+578.66; 5 KM1+462.55; P5 KM1+955.03; 69 KM2+307.98) thiết kế công tròn khẩu độ 2.0m: Mục tiêu của công là thoát nước địa hình và khe. Kết cấu công bằng BTCT M200 dày 16cm đổ trực tiếp. Móng công, san công, tường cánh... bằng BTXM M200, dưới đệm móng bằng đá dăm dày 10cm.

- Mương thoát nước: Phía bên trái đoạn tuyến từ cọc 53KM0+832.29 đến cọc 64 KM1+029.66, ngay gần chân taluy đắp nền đường có đoạn suối nước chảy quanh năm. Lòng suối chảy quanh co. Vì chân nền đắp đất nền đường gần phạm vi suối và đắp lên lòng suối nên cần cải tạo và nắn chỉnh lòng suối cho phù hợp địa hình tránh gây xói lở, ảnh hưởng tới nền đường. Kích thước trung bình lòng suối rộng 8m và sâu trung bình khoảng 5m. Chân taluy đắp được thiết kế chân khay BTXM chống xói. Đoạn tuyến nắn chỉnh lòng suối dài khoảng 200m.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án thuộc loại hình có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích 5,2ha (Dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục bổ sung cho phép chuyển mục đích đất trồng lúa để thực hiện các

dự án đầu tư năm 2022 tại Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 13/7/2022). Dự án có sử dụng đất rừng sản xuất với diện tích khoảng 2,77 ha. Dự án ảnh hưởng và phải yêu cầu di dời 19 ngôi mộ tại tiểu khu Văn Ban. Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích sinh hoạt; không sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, hay đất của di tích – lịch sử, danh lam thắng cảnh; không có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất khu bảo tồn thiên nhiên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động dọn dẹp, thu dọn mặt bằng phục vụ thi công và hoạt động vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu thi công, hoạt động đổ thải.

- Hoạt động cải tạo, thi công các hạng mục công trình của Dự án và các công trình bị ảnh hưởng (các hồ Phiêng Ban 1, 2, 3; công trình nhà ở các hộ dân).

Các hoạt động nêu trên có khả năng tác động xấu đến môi trường như: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động thi công, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến hệ thống giao thông, cảnh quan, môi trường khu vực thị trấn Bắc Yên.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công trình.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Nguồn phát sinh:

+ Nước thải sinh hoạt: từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân, lưu lượng 8 m³/ngày;

+ Nước thải công nghiệp: từ hoạt động thi công xây dựng, lưu lượng 8,64 m³/ngày.

+ Nước mưa chảy tràn: lưu lượng 4.491,6 m³/ngày.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng):

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân: TSS, BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ, Coliform...

+ Nước thải công nghiệp từ hoạt động xây dựng: TSS, độ đục, dầu mỡ...

+ Nước mưa chảy tràn: TSS, độ đục,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh:

+ Nước thải sinh hoạt: từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bảo dưỡng, phát sinh khoảng $0,225\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng) nước thải sinh hoạt: TSS, BOD₅, COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, dầu mỡ, Coliform...

- Nước mưa chảy tràn: TSS, độ đục,...

3.1.2. Khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động giải phóng mặt bằng, san nền; hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu và đất đá thải; hoạt động bốc xếp, tập kết nguyên vật liệu khi xây dựng; hoạt động đào, đắp các tuyến đường và do hoạt động của các thiết bị sử dụng dầu; hoạt động của máy trộn bê tông; hoạt động thi công đổ bê tông, thi công xây dựng các hạng mục công trình.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, khí SO₂, NO_x, CO,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của xe cộ lưu thông trên đường; hoạt động bảo trì, bảo dưỡng công trình.

- Tính chất (thông số ô nhiễm đặc trưng): Bụi, khí SO₂, NO_x, CO, HC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Quy mô (khối lượng): Các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa... 40kg/ngày.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của công nhân bảo trì, bảo dưỡng.

- Quy mô (khối lượng): Các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thực ăn, thức ăn thừa... 2,5 kg/ngày.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động phát quang thực vật, phá dỡ, san ủi mặt bằng, xây lắp các công trình phụ trợ.

- Quy mô (khối lượng): Gốc, rễ, lá cây, cỏ, cây bụi,...: 4,14 tấn. Đất màu bề mặt phát sinh trong giai đoạn GPMB là 14.080 m^3 . Khối lượng phá dỡ các công trình là 3,6 tấn/ngày. Đất, đá thải cả dự án $238.365,68\text{ m}^3$. Bao xi măng, cốt pha, gạch đá hỏng, xi măng thải,...: 8,8 tấn. ✓

b) Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động bảo trì, bảo dưỡng đường.
- Quy mô (khối lượng): Bê tông, nhựa đường bám dính,... 2-3 m³/đợt.

3.2.3. Chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động bảo dưỡng thiết bị, xe máy thi công. Từ khu vực lán trại làm việc của công nhân.

- Quy mô (khối lượng): Găng tay, giẻ lau, dầu thải,... 5 kg/tháng; Bóng đèn neon hỏng, pin, ắc quy, chổi quét sơn, thùng đựng sơn, dầu mẫu que hàn...: 10 kg/tháng.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa đường
- Quy mô (khối lượng): Vỏ thùng chứa dầu, mỡ, giẻ lau dính dầu,...: 2kg/đợt.

3.3. Tiếng ồn, độ rung (nguồn phát sinh và quy chuẩn áp dụng)

3.3.1. Giai đoạn xây dựng

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công;
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của các phương tiện giao thông qua lại trên tuyến đường.

- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác

3.4.1. Các tác động không liên quan đến chất thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Tác động của việc chiếm dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất;
- Tác động của quá trình đổ đất đá thải;
- Tác động do thay đổi địa hình cảnh quan khu vực;
- Tác động đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học;
- Tác động đến hoạt động giao thông đường bộ; ✓

- Tác động đến kinh tế, xã hội khu vực;
- Tác động tới các công trình hiện hữu;

b) Giai đoạn hoạt động

- Tác động đến kinh tế - xã hội;
- Tác động đến hệ sinh thái dọc tuyến;

3.4.2. Các rủi ro, sự cố

a) Giai đoạn xây dựng

- Sự cố trượt sạt đất đá;
- Tai nạn lao động;
- Sự cố cháy nổ, cháy rừng;
- Rủi ro do thiên tai (bão, mưa lớn).

b) Giai đoạn hoạt động

- Tai nạn giao thông;
- Sạt lở taluy, sụt lún, đứt gãy lòng đường.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Hệ thống thu gom thoát nước:

+ Thu gom nước thải sinh hoạt: Sử dụng nhà vệ sinh di động.

+ Thu gom nước mưa chảy tràn: Thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hệ thống hố lắng tại các công trường thi công, các khu vực dân cư để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn.

- Hệ thống xử lý nước thải:

+ Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động kích thước $3.868 \times 2.200 \times 2.668\text{cm}$ tại khu phụ trợ lán trại của công nhân;

+ Bố trí 01 bể lắng 2 ngăn (kích thước $2 \times 1 \times 1\text{m}$) tại khu phụ trợ để thu gom, xử lý nước thải từ quá trình rửa chân tay, ăn uống, vệ sinh bát đĩa,...

+ Bố trí 01 bể lắng sơ bộ (kích thước $2,5 \times 2 \times 1\text{m}$) tại mỗi công ra vào công trường xây dựng để thu gom, xử lý nước thải rửa xe.

- Nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí, phương thức xả thải

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Các khe, ao hồ, suối gần khu vực phụ trợ.

+ Vị trí xả thải: Thay đổi theo tuyến thi công;

- Quy chuẩn kỹ thuật và hệ số áp dụng: 

+ QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B ($K=1,2$) sẽ xả ra khe, ao hồ nhỏ cạnh tuyến đi qua.

+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B ($K_q=0,9$, $K_r=1,2$) sẽ xả ra khe, ao hồ nhỏ cạnh tuyến đi qua.

b) Giai đoạn hoạt động

- Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn:

Tại các hạng mục công trình, thi công hệ thống rãnh thu gom nước mưa và hệ thống hồ lắng dọc 2 bên ranh giới tuyến đường để thu gom và lắng lọc nước mưa chảy tràn.

- Công trình xử lý: không có công trình.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn xây dựng

- Hệ thống, thiết bị thu gom và xử lý bụi, khí thải

+ Bố trí 01 Khu vực rửa lốp xe có diện tích: 20 m^2 ($5 \times 4\text{m}$) tại mỗi cổng ra vào khu vực thi công Dự án.

- Dòng thải ra môi trường, vị trí, phương thức xả thải: Thay đổi theo tuyến thi công;

- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và hệ số áp dụng:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

b) Giai đoạn hoạt động: Không có công trình.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Rác sinh hoạt: Bố trí 3 thùng dung tích 120 lít tại khu vực lán trại công nhân để thu gom, lưu giữ. Đối với các loại rác không có khả năng tái sử dụng, tái chế sẽ Hợp đồng với Đội vệ sinh môi trường huyện Bắc Yên thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: với tổng khối lượng $238.365,68\text{ m}^3$ được đổ thải tại 02 bãi thải:

- Bãi thải số 1 nằm tại Km 1+746.94 ÷ Km1+874.94, diện tích $15.011,93\text{ m}^2$, sức chứa khoảng $119.562,48\text{ m}^3$.

- Bãi thải số 2 nằm tại bản Hồng Ngải, xã Hồng Ngải, huyện Bắc Yên, cách vị trí xây dựng dự án 8km, diện tích $17.135,32\text{ m}^2$, sức chứa khoảng $154.735,65\text{ m}^3$.

(Vị trí các bãi thải đã được đại diện chủ đầu tư, UBND thị trấn và UBND xã Hồng Ngài, đơn vị tư vấn thiết kế và các hộ dân thống nhất tại Biên bản làm việc ngày 04/11/2022)

b) Giai đoạn hoạt động

Đơn vị quản lý, bảo trì dự án thu gom và đổ thải tại khu vực theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng

- Bố trí 01 kho chứa CTNH tại khu phụ trợ rộng 6 m² mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn, xa khu dân cư, khu lán trại; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/BTNMT.

- Quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.

b) Giai đoạn hoạt động

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý: Không có.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn xây dựng

- Công trình, biện pháp: trang bị bảo hộ lao động cho công nhân; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý; thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị; sử dụng các kết cấu đàn hồi, kê chân máy,...

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

b) Giai đoạn hoạt động: Không có công trình.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công

- Sự cố sạt trượt đất đá: Đổ thải đúng trình tự, dung tích, đưa bãi thải về trạng thái an toàn sau khi kết thúc đổ thải; Giám sát khu vực thi công trước, trong và sau các đợt mưa lớn.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, tập huấn cho cán bộ, công nhân về ATLĐ; Kiểm tra và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên máy móc

thiết bị thi công; Lập kế hoạch cấp cứu khi xảy ra tai nạn lao động.

- Sự cố cháy nổ, cháy rừng: Xây dựng nội quy và tuân thủ nội quy PCCC trên công trường; trang bị đầy đủ trang thiết bị và tập huấn cho cán bộ công nhân thi công về PCCC.

- Sự cố do thiên tai:

- + Theo dõi dự báo thời tiết, che chắn công trình mới xây dựng trước khi mưa bão, ngưng hoạt động thi công khi có mưa lớn và bão.

- + Thường xuyên liên lạc với Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Bắc Yên để cập nhật thông tin về thiên tai và chuẩn bị các phương án ứng phó sự cố.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt biển cảnh báo, gương tại các khu vực khuất, dễ xảy ra tai nạn; thường xuyên bảo trì bảo dưỡng đảm bảo chất lượng đường.

- Sự cố sạt lở taluy, sụt lún, đứt gãy lòng đường: Đảm bảo thi công đúng quy trình, kỹ thuật, gia cố những vị trí dễ sạt trượt bằng hệ thống kê đúng tiêu chuẩn; cử cán bộ định kỳ kiểm tra các tuyến đường; tổ chức khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

a) Giai đoạn thi công

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông:

- + Kiểm tra tải trọng, chia nhỏ khối lượng vận chuyển; bố trí thời gian vận chuyển hợp lý, vận chuyển đúng tốc độ, che chắn thùng xe cẩn thận.

- + Phối hợp, thỏa thuận với chính quyền địa phương về việc sử dụng các tuyến đường cho hoạt động vận chuyển.

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội:

- + Nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh;

- + Quản lý chặt chẽ công nhân xây dựng và có biện pháp hòa giải hợp lý khi có mâu thuẫn, xung đột với người dân địa phương.

- + Nghiêm cấm việc lợi dụng dự án khai thác rừng trái phép.

- Giảm thiểu tác động đến các công trình hiện hữu

- + Hoàn trả các tuyến đường dân sinh cắt qua tuyến.

- + Di dời các hệ thống cơ sở hạ tầng (đường điện...) đảm bảo không làm ảnh hưởng đến đời sống sản xuất của người dân.

- Giảm thiểu tác động làm thay đổi cảnh quan khu vực:

- + Tháo dỡ các nhà tạm, lán trại và các công trình phụ trợ. Thu dọn bãi tập kết nguyên vật liệu. San lấp các hố lũng, rãnh thoát nước, hố ga xung quanh kho bãi. ✓

+ Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.

- Giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái và đa dạng sinh học

+ Chỉ phát quang trong ranh giới dự án, không lấn chiếm diện tích xung quanh, thi công đến đâu phát quang đến đó.

+ Thu gom, dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng thi công công trình sau từng ngày làm việc và khi kết thúc quá trình thi công;

+ Nghiêm cấm và có biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi săn bắt động vật và chặt phá cây cối khu vực lân cận dự án của cán bộ công nhân.

+ Tuân thủ thực hiện đúng các quy định pháp luật về Lâm nghiệp.

b) Giai đoạn vận hành

- Giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội: Lắp đặt các biển cảnh báo, phối hợp với cơ quan có chức năng trong việc báo cáo các hành vi trộm cướp, vận chuyển gỗ và động vật hoang dã trái phép.

- Giảm thiểu tác động đến dòng chảy: Bố trí các cống thoát nước dọc tuyến đường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn xây dựng

a) Giám sát chất thải rắn

- Đối với CTR xây dựng:

+ Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, lưu giữ và xử lý CTR xây dựng; giám sát việc vận chuyển đất đá thải trong quá trình xây dựng; giám sát việc gia cố bãi thải, hiện tượng trượt sạt bãi thải, giám sát việc trồng cây tại bãi thải sau khi kết thúc xây dựng.

+ Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng công trình, khu vực bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Đối với CTR sinh hoạt:

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng rác phát sinh, công tác phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý.

+ Vị trí giám sát: Tại khu tập kết rác sinh hoạt.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

b) Giám sát CTNH

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH. 

- Vị trí giám sát: Tại kho chứa CTNH.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Thực hiện quản lý CTNH theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

c. Giám sát quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

- Thông số giám sát: Giám sát về số lượng phương tiện vận chuyển, khối lượng vận chuyển, tình hình rơi vãi nguyên, nhiên, vật liệu.
- Tần suất: Liên tục trong quá trình vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu.

d. Giám sát sụt lún, sụt lún công trình

- Thông số giám sát: Mức độ sụt lún, sụt lún của công trình.
- Vị trí giám sát: Tại khu vực xây dựng đường giao thông.
- Tần suất thực hiện: Liên tục trong quá trình thi công.

5.2. Giai đoạn hoạt động

Do dự án trong giai đoạn vận hành không phát sinh các tác động xấu tới môi trường. Việc giám sát trong giai đoạn này chủ yếu là giám sát trượt, sụt, lún tuyến đường được khai thác tối đa tránh được các sự cố gây hư hỏng, xuống cấp.

- Vị trí giám sát: Trên toàn tuyến
- Tần suất giám sát: 2 lần/năm.
- Đơn vị giám sát: UBND huyện Bắc Yên – Đơn vị tiếp nhận quản lý Dự án trong giai đoạn vận hành.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, lâm nghiệp, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc đầu tư xây dựng tuyến đường nội thị, thị trấn Bắc Yên và việc lắp 02 hồ Phiêng Ban 2, 3 và một phần hồ Phiêng Ban 1, đảm bảo tính đúng, tính đủ, không lãng phí vốn đầu tư công và thực hiện đúng các nội dung đã cam kết tại Báo cáo số 890/BC-UBND ngày 02/12/2022 của UBND huyện Bắc Yên. Trong trường hợp triển khai dự án có khó khăn, vướng mắc liên quan đến các nội dung này, UBND huyện Bắc Yên có trách nhiệm kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường. Chịu trách nhiệm về khối lượng chất thải, việc thiết kế bãi thải, đổ thải và việc đảm bảo an toàn các bãi thải.

- Thực hiện đúng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường có liên quan đến dự án. *g/*

- Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

- Trong quá trình thi công và vận hành dự án phải đảm bảo hạn chế tối đa các sự cố sạt lở đối với hai bên bờ taluy đường làm ảnh hưởng đến khu vực dân cư và khu vực canh tác (*hoa màu, cây trồng, nguồn nước,...*) của người dân khu vực và các công trình hạ tầng khác, trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá đề cập trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu; đồng thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) và chịu trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các điều kiện về an sinh xã hội theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải, chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.

- Lập phương án trồng rừng thay thế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện nhằm hạn chế các tác động đến môi trường sinh thái theo đúng quy định.

- Thực hiện đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản trong diện tích đất của dự án được sử dụng cho xây dựng công trình của dự án tại UBND tỉnh (*nộp hồ sơ về Trung tâm phục vụ hành chính công*) theo đúng quy định của Luật Khoáng sản.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội./.